TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 723/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đậu Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa**;** địa chỉ tạm trú: Tổ 62B, khu phố C, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Đậu Văn H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/11/2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 quyển số 01/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại địa chỉ thôn K, xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống H phúc đến khoảng tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân là do chị H không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, khi bị gia đình anh phát hiện thì chị H bỏ vào Bình Dương sinh sống, không liên lạc với gia đình và cũng không điện thoại về hỏi thăm con. Anh và chị H cũng sống ly thân từ tháng 7/2016 đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đậu Minh Q, sinh ngày 05/02/2011 và Đậu Thị Khánh H, sinh ngày 24/6/2013, hiện các cháu đang ở cùng anh H. Sau ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị H thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09/10 và 25/12/2017; tham gia phiên tòa vào các ngày 15/01/2018 và ngày 31/01/2018 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của anh H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị H ngày 25/10/2017 do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa thực hiện, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Anh H và chị H kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng chung sống H phúc đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không chung thủy, có ngoại tình với người khác và bị bắt quả tang sau đó chị H bỏ nhà đi, đi đâu không ai rõ, gia đình có tìm kiếm nhưng không có kết quả. Đến tháng 4/2017 gia đình có làm đơn trình báo về việc chị H bỏ đi nộp cho công an xã. Trong quá trình hôn nhân thì anh H, chị H có 02 người con là Đậu Minh Q, sinh ngày 05/02/2011 và Đậu Thị Khánh H, sinh ngày 24/6/2013 hiện đang ở cùng anh H. Về tài sản chung và nợ chung anh H, chị H tự thỏa thuận.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và được nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Anh Đậu Văn H nộp đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân, con chung giữa anh với chị Nguyễn Thị H hiện đang ở tại địa chỉ: Tổ 62B, khu phố C, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H tham gia phiên tòa vào các ngày 15/01/2018 và ngày 31/01/2018, chị H vắng mặt không có lý do, anh Đậu Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 25/12/2017. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đậu Văn H và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 quyển số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/11/2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị H đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị H đối với anh H đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, H phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do chị H không chung thủy, điều này cũng được chính quyền địa phương xác nhận trong biên bản xác minh của tòa án, hơn nữa việc chị Nguyễn Thị H bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh Đậu Văn H và anh chị đã có thời gian ly thân hơn một năm, cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Anh H, chị H có 02 con chung tên Đậu Minh Q, sinh ngày 05/02/2011 và Đậu Thị Khánh H, sinh ngày 24/6/2013. Anh H có nguyện

vọng được nuôi hai con chung sau khi ly hôn. Xét, quá trình tham gia tố tụng chị H không có ý kiến về vấn đề con chung và từ ngày chị H vào Bình Dương sinh sống, 02 con chung của anh chị đều do anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bản thân chị H không quan tâm, hỏi han hay về thăm các cháu. Thời gian các cháu chung sống cùng anh H vẫn đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung của anh H là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đậu Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp theo mức cấp dưỡng trung bình tại địa phương.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đậu Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Đậu Minh Q, sinh ngày 05/02/2011 và Đậu Thị Khánh H, sinh ngày 24/6/2013 cho anh Đậu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh H và chị H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Anh H phải tạo điều kiện cho chị H trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đậu Minh Q 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Đậu Thị Khánh H 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đậu Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010111 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoa